

Tư tưởng của Khổng Tử về học tập trong *Luận ngữ* và sự vận dụng đối với sinh viên

Hồ Bảo*

Nhận ngày 11 tháng 7 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 10 năm 2024.

Tóm tắt: Khổng Tử sáng lập ra hệ thống tư tưởng Nho giáo, trong đó đề cao tu dưỡng đạo đức, tài - đức song hành và luân lý quân - sư - phụ. Trong đó, tinh hoa tư tưởng về giáo dục của ông đã được Việt Nam tiếp thu và hoà quyện với văn hoá bản địa, tạo thành một truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Bài viết này trình bày về các tư tưởng học tập được phản ánh trong tác phẩm *Luận ngữ* của Khổng Tử. Từ đó, phân tích việc vận dụng các tư tưởng về học tập của Khổng Tử trong sự nghiệp giáo dục đại học tại Việt Nam. Bài viết làm rõ giải pháp, cách thức vận dụng tư tưởng về học tập của Khổng Tử trong việc cải thiện thái độ học tập của sinh viên, phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên và thúc đẩy các giá trị đạo đức, văn hóa trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khoá: Tư tưởng, Khổng Tử, *Luận ngữ*, giáo dục, đại học.

Phân loại ngành: Văn hoá

Abstract: Confucius founded the Confucian system of thought, which emphasizes moral cultivation, the harmony of talent and virtue, and the ethical relationships between ruler -teacher - parents. His educational ideology has been absorbed and integrated with Vietnamese indigenous culture, establishing a tradition of studiousness and respecting teachers. This article presents the learning thoughts reflected in Confucius's work, the *Analects*. It accordingly analyzes the application of Confucius's learning thoughts in the higher education system in Vietnam. The article clarifies solutions and methods to apply Confucius's learning thoughts to improve students' learning attitudes, develop their comprehensive capabilities, and promote ethical and cultural values within Vietnam's higher education system.

Keywords: Thought, Confucius, *Analects*, education, university.

Subject classification: Culture

1. Mở đầu

Khổng Tử (551 - 479 TCN) là nhà tư tưởng và triết gia Trung Quốc. Sinh thời, ông có thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền nước Lỗ - một nước chư hầu của nhà Chu, đến chức Trung Đô Tể (Phùng Hữu Lan, 2006: 91) và mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia. Về sau, ông thoái thác các chức vụ chính trị và đi khắp nơi để truyền bá tư tưởng học thuật của mình, nhưng không có cơ hội hành đạo (Hồ Thích, 2004: 127). Ông có rất nhiều học trò, trong số đó có nhiều người nổi tiếng, có ảnh hưởng lớn như Nhan Hối, Tăng Sâm, Tử Tư và Mạnh Tử. Hầu hết sự nghiệp truyền bá tư tưởng của Khổng Tử đã khắc hoạ ông là một biểu tượng của người thầy. Những lời giảng quý báu của ông được các học trò (đệ tử) ghi chép, biên soạn và tổng hợp thành một tác phẩm *Luận ngữ* được lưu truyền đời đời, trở thành tác phẩm kinh điển của Nho giáo nói riêng và văn hoá Á Đông nói chung. *Luận ngữ* bản *Lỗ luận* và *Cổ luận* gồm 20 thiên, *Tề luận* có thêm 02 thiên nữa là 22 thiên (Nguyễn Hiến Lê, 2003: 257). Nhìn chung, mỗi thiên gồm những bài ngắn, chủ yếu

* Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: baoh@dhv.edu.vn

ghi lại lời giảng của Khổng Tử. Các tư tưởng này chủ đích xây dựng một xã hội ổn định, thái bình, thịnh trị. Về sau, tư tưởng của Khổng Tử là kim chỉ nam, định hướng xuyên suốt cho các triều đại phong kiến Trung Quốc. Từ thời Hán, Nho giáo trở thành trọng tâm của văn hóa Trung Quốc. Tư tưởng của Khổng Tử về giáo dục và sự học đã chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử giáo dục Trung Quốc. *Luận ngữ* phản ánh tư tưởng giáo dục tiên bộ của Khổng Tử, là biểu hiện cho nhân cách lí tưởng (Trần Tiến Khôi, 2013).

Ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu về *Luận ngữ* và tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Có thể kể đến như: Đặng Thị Thúy Hoa (2012) trong bài viết “Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử” đã sơ lược một số phương pháp giáo dục của Khổng Tử; Lê Kinh Nam (2014) với bài viết “Triết lý của Khổng Tử về phương pháp giáo dục” tập trung vào việc mô tả các phương pháp mà chưa phân tích ứng dụng thực tế của những phương pháp này trong bối cảnh hiện đại. Ngoài ra, còn có Nguyễn Thị Hoa Phượng (2014), “Giá trị và hạn chế trong nội dung và phương pháp giáo dục của Khổng Tử” trong bài viết đã chỉ ra các giá trị đạo đức và tính cứng nhắc, bảo thủ trong nội dung giáo dục và các phương pháp dạy học của Khổng Tử.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về tư tưởng của Khổng Tử về giáo dục nhưng có ít nghiên cứu sâu về tư tưởng học tập của Khổng Tử, nhất là các tư tưởng được thể hiện trong phạm vi tác phẩm *Luận ngữ*. Đồng thời, đa số các nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu tư tưởng của Khổng Tử trên phương diện lý thuyết, chưa chỉ ra sự vận dụng tư tưởng này trong thực tiễn dạy và học, nhất là trong giáo dục đại học.

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay tại Việt Nam, thái độ học tập của sinh viên đang bộc lộ nhiều vấn đề bất cập cần được giải quyết để nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện theo chủ trương Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Nhiều sinh viên thiếu động lực và mục tiêu học tập, dẫn đến tình trạng học đối phó, không tập trung và thụ động. Nhiều em học vì áp lực bằng cấp từ gia đình, xã hội hơn là vì giá trị của tri thức. Bên cạnh đó, thói quen học tập thiếu khoa học như học vẹt, học dồn vào cuối kỳ, quản lý thời gian kém cũng là vấn đề phổ biến. Các sinh viên dễ bị phân tâm bởi thiết bị điện tử, dành thời gian cho mạng xã hội, game thay vì học tập. Kỹ năng mềm và thực hành thực tế cũng chưa được chú trọng đầy đủ trong chương trình học.

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các nghiên cứu đi trước, kết hợp với quan sát thực tiễn, bài viết này làm sáng tỏ các giải pháp và phương pháp vận dụng tư tưởng học tập của Khổng Tử trong việc phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên trong các trường đại học Việt Nam và thúc đẩy các giá trị đạo đức và văn hóa.

Để nghiên cứu tư tưởng của Khổng Tử về học tập trong *Luận ngữ* và sự vận dụng đối với sinh viên, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích nội dung và diễn giải. Ngữ liệu chính được sử dụng là tác phẩm *Luận ngữ* do Đoàn Trung Còn dịch và chú giải, xuất bản năm 1952 bởi Nhà xuất bản Trí Đức. Bản dịch của Đoàn Trung Còn (1952) là một trong những bản dịch tiếng Việt đầu tiên và có ảnh hưởng lớn, giúp người Việt tiếp cận sâu sắc với tư tưởng của Khổng Tử. Đoàn Trung Còn không chỉ chuyên ngữ mà còn cung cấp các chú giải chi tiết, giải thích ngữ cảnh lịch sử, văn hóa và triết học. Bản dịch cũng phản ánh ngôn ngữ và tư duy của thời kỳ đầu thế kỷ XX, mang lại góc nhìn độc đáo trong việc tiếp cận *Luận ngữ*. Việc lựa chọn bản dịch của Đoàn Trung Còn làm ngữ liệu chính cho nghiên cứu không chỉ vì giá trị học thuật mà còn vì sự phù hợp với bối cảnh văn hóa và giáo dục Việt Nam.

2. Tư tưởng của Khổng Tử về học tập trong *Luận ngữ* và sự vận dụng đối với sinh viên

2.1. Học tập suốt đời

Học tập suốt đời (lifelong learning) là một khái niệm quan trọng trong giáo dục hiện đại, nó được định nghĩa là “bất kỳ hoạt động học tập có chủ đích nào được thực hiện trong suốt

cuộc đời của một người để cải thiện kiến thức, kỹ năng và năng lực” (European Commission, 2016). Học tập suốt đời là xu thế tất yếu trong bối cảnh khoa học, công nghệ và kỹ thuật có nhiều biến chuyển nhanh chóng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra kỷ nguyên kinh tế tri thức, hội nhập và toàn cầu hóa; các quốc gia đều nỗ lực thi đua cải thiện hệ thống giáo dục, lấy học tập suốt đời làm mục đích và thước đo đánh giá hiệu quả của nền giáo dục. Trong giáo dục đại học, học tập suốt đời khuyến khích sinh viên tự học và học tập liên tục, ngay cả khi đã hoàn tất một học phần hay hoàn thành chương trình đại học. Học tập không chỉ đơn thuần là nhiệm vụ trong một giai đoạn nhất định của cuộc đời mà cần phải trở thành một hành trình liên tục, xuyên suốt cả đời người.

Trong Nho giáo, Khổng Tử là tấm gương điển hình về học tập suốt đời, sinh thời, ông luôn quan tâm đến sự học. Do đó, *Luận ngữ* cũng dành khá nhiều nội dung bàn về sự học. “Học” là từ mở đầu thiên thứ nhất của tác phẩm *Luận ngữ* (thiên Học Nhi), sự học chính là cánh cổng đầu tiên mở ra kho tàng tư tưởng trong *Luận ngữ*, cũng là vấn đề đầu tiên mà *Luận ngữ* đặt ra để khảo cứu. Lời giảng đầu tiên được ghi chép trong *Luận ngữ* chính là câu hỏi nổi tiếng của Khổng Tử: “Kẻ học đạo lý mà thường ngày hay luyện tập cho tinh thông, nhuần nhả, há không lấy đó làm niềm vui sao?” (Đoàn Trung Còn, 1950: 5). Sự học đối với Khổng Tử phải xuất phát từ niềm đam mê, yêu thích và hạnh phúc khi được học, “biết đạo chẳng bằng ưa đạo, ưa đạo chẳng bằng vui với đạo” (Đoàn Trung Còn, 1950: 93). So với các niềm vui khi “có bạn bè từ phương xa đến” thì việc học và hành được Khổng Tử ưu tiên đặt lên trên, lên trước. Chỉ có như vậy thì người học mới có thể đạt đến trạng thái “học mà không chán” (học nhi bất yếm), không cảm thấy nặng nề, căng thẳng trong lúc học tập. Thái độ học tập, theo Khổng Tử, phải là “như cắt gọt, như mài giũa”, ý nói đến sự kiên trì học hỏi, khéo léo rèn luyện không ngừng nghỉ như việc mài giũa viên ngọc quý.

Trong *Luận ngữ*, Khổng Tử khuyến khích con người chủ động học tập từ sớm, ông nói kẻ thấp kém là những kẻ “gặp cảnh khốn nạn rồi mới chịu học” (Nguyễn Hiến Lê, 2003: 480). Khổng Tử cho biết ông đã bắt đầu sự học từ 15 tuổi, đến thiên Thuật nhi, Khổng Tử thường than rằng: “Nếu Trời cho ta sống thêm ít tuổi nữa đặng ta học đạo Dịch” (Đoàn Trung Còn, 1950: 107) chứng tỏ tinh thần học tập của Khổng Tử không còn bị tuổi tác chi phối, có thể xem Khổng Tử là tấm gương thực hành trọn vẹn việc học tập suốt đời, đến mức “đốc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo” (Đoàn Trung Còn, 1950: 117) tức là dốc lòng vào học tập, tha chết vì điều thiện hay “buổi sáng nghe được đạo lý, buổi chiều dầu chết cũng vui” (Đoàn Trung Còn, 1950: 53). Khi chứng kiến học trò là Tề Dữ lười biếng, Khổng Tử than: “Cây mục không chạm khắc được; vách bằng đất bùn, không tô vẽ được” (Đoàn Trung Còn, 1950: 71).

Vận dụng tư tưởng học tập suốt đời của Khổng Tử: Học tập suốt đời không chỉ giúp sinh viên cập nhật kiến thức mới mà còn phát triển kỹ năng tự học, một kỹ năng quan trọng để thành công trong cuộc sống và sự nghiệp. Trong bối cảnh thế giới có nhiều chuyển biến về khoa học - kỹ thuật như hiện nay, tư tưởng học tập suốt đời của Khổng Tử càng trở nên có ý nghĩa và cần thiết hơn bao giờ hết. Việc áp dụng tư tưởng học tập suốt đời của Khổng Tử vào thực tiễn có thể mang lại nhiều lợi ích và cải thiện đáng kể thái độ học tập của sinh viên. Sinh viên cần được truyền cảm hứng để thấy rằng học tập không chỉ là trách nhiệm mà còn là một “sự nghiệp” phải phấn đấu cả đời như V.I. Lê-nin từng nói: “Học, học nữa, học mãi”.

Ngày nay, sinh viên thường gặp phải những khó khăn và thử thách trong quá trình học. Tuy nhiên, nếu các em có thể nhận thức được rằng những khó khăn này chỉ là một phần của hành trình mài giũa bản thân, sinh viên sẽ dễ dàng vượt qua và tiếp tục tiến bộ. Không có giới hạn nào cho việc học tập và rèn luyện, trong đó, tuổi tác không phải là rào cản. Sinh viên cần hiểu rằng việc học không dừng lại khi họ tốt nghiệp, mà cần phải tiếp tục cập nhật kiến thức và kỹ năng mới để thích ứng với thế giới biến đổi không ngừng. Các cơ sở giáo

dục đại học cần tạo ra những điều kiện thuận lợi để sinh viên có thể tiếp cận nguồn tri thức một cách dễ dàng, đồng thời thúc đẩy tinh thần tự học và nghiên cứu.

2.2. Thực hành ứng dụng

Khổng Tử quan niệm thực hành là cách tốt để tiếp thu và đào sâu kiến thức, việc ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn/thực hành là một điều cần thiết trong quá trình học tập (Tử Hạ là học trò của Khổng Tử có tư tưởng thực hành ứng dụng). Đối với Khổng Tử, học nhiều lý thuyết nhưng không ứng dụng được trong công việc và không hoàn thành được trọng trách thì cái học đó cũng là vô dụng. Khổng Tử nói “đọc thuộc hết ba trăm thiên trong kinh Thi [...] nhưng cai trị chẳng xuôi, [...] chẳng có tài ứng đối; người ấy học nhiều nhưng có biết dùng tài học của mình chẳng?” (Đoàn Trung Còn, 1950: 201). Tư tưởng coi trọng thực hành ứng dụng của Khổng Tử còn thể hiện qua phần đối đáp giữa Bá Ngự (con Khổng Tử) và Trần Cao, theo đó, Bá Ngự kể rằng ông được Khổng Tử dạy phải học kinh Thi để giao tiếp và học kinh Lễ để lập thân.

Khổng Tử còn nói: “Người nào ôn lại những điều đã học, do nơi đó mà biết thêm những điều mới, người ấy có thể làm thầy thiên hạ đó” (Đoàn Trung Còn, 1950: 21). Từ đây, có thể thấy đối với Khổng Tử, việc học là một chuỗi quá trình thu nhận kiến thức được kết nối bằng công đoạn ôn tập và rèn luyện, thực hành không ngừng. Từ những kiến thức thu nhận từ tài liệu, sách vở và các công trình nghiên cứu trước đó, việc thực hành và ôn tập có thể giúp người học tổng hợp, phân tích, suy luận để cho ra các tri thức mới hoặc cách giải quyết vấn đề sáng tạo. Có thể nói, thực hành ứng dụng là bộ phận quan trọng trong sự nghiệp học tập suốt đời, vị trí của việc thực hành chính là cầu nối giữa các giai đoạn tiếp thu tri thức, cách thức “cũ” và sáng tạo ra tri thức, cách thức “mới”. Thiên Vi chính kể lại trường hợp ông Nhan Hối (học trò quý của Khổng Tử) có thực hành đầy đủ nên được Khổng Tử coi trọng, khen Nhan Hối “không là kẻ ngu”.

Quan điểm thực hành ứng dụng của Khổng Tử còn được thể hiện tinh thần khẩn trương trong khi học tập và ôn luyện. Khổng Tử nói “phải ráng sức mà học, dường như mình theo chẳng kịp người, chỉ sợ mình giải đãi mà phải bị bỏ rơi” (Đoàn Trung Còn, 1950: 129). Quan điểm này chống lại các thói xấu phổ biến của người học như trì trệ, chây ì hoặc tự cao, cho rằng bản thân đã học đủ, không chịu tiếp thu cái mới, cái tốt đang cập nhật hàng ngày.

Vận dụng tư tưởng thực hành ứng dụng của Khổng Tử: Tư tưởng thực hành ứng dụng của Khổng Tử - một triết lý giáo dục xưa - vẫn giữ nguyên giá trị của nó ngay cả trong thời đại học thuật hiện đại. Việc áp dụng tư tưởng này vào thái độ học tập của sinh viên hiện nay không chỉ góp phần cải thiện kết quả học tập mà còn giúp hình thành những kỹ năng sống cần thiết, phát triển tư duy phản biện và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Ngày nay, sinh viên có xu hướng tiếp cận kiến thức một cách thụ động thông qua các bài giảng (nghe thuyết giảng), giáo trình, podcast và các bài giảng trực tuyến từ xa, do vậy, các sinh viên ít có cơ hội thực hành thực tiễn. Bài toán đặt ra cho giáo dục ngày nay là làm thế nào để các em không chỉ “biết được” mà còn “làm được”.

Việc áp dụng tư tưởng của Khổng Tử vào giáo dục hiện đại có thể khuyến khích sinh viên không chỉ hấp thụ kiến thức lý thuyết mà còn ứng dụng vào giải quyết vấn đề cụ thể và các tình huống thực tế. Các trường đại học và giáo viên cần thiết kế chương trình giảng dạy theo hướng tích cực, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào các dự án thực tiễn, thí nghiệm khoa học và nghiên cứu các trường hợp thực tế. Thông qua các hoạt động như thực tập, dự án cộng đồng và các cuộc thi khởi nghiệp, cuộc thi kỹ thuật, sinh viên vận dụng thành thạo lý thuyết học trong sách vở, từ đó nhận thức rõ giá trị của kiến thức họ đang học. Các phương pháp giáo dục hiện đại như học tập dựa trên vấn đề (PBL) và học tập qua dự án (PJBL) là

những phương pháp hữu hiệu trong việc yêu cầu sinh viên áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, qua đó củng cố kiến thức đã học và mở rộng hiểu biết của bản thân. Việc áp dụng tư tưởng của Khổng Tử vào giáo dục hiện đại cũng đòi hỏi sự thay đổi từ phía nhà trường và đội ngũ giảng viên. Nhà trường và các thầy cô không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn, cổ vũ tinh thần tự học và tự nghiên cứu của sinh viên. Đây là một phần không thể thiếu trong việc nuôi dưỡng thái độ học tập tích cực và sự chủ động trong học tập, khuyến khích sinh viên không ngừng học hỏi, không chỉ trong lớp học mà còn trong cuộc sống hàng ngày, để từ đó trở thành những cá nhân có khả năng tự cập nhật tri thức mới, sáng tạo và đóng góp vào xã hội.

2.3. Kết hợp giữa học tập và tư duy

Sự kết hợp giữa học tập và tư duy là quá trình tích hợp việc suy nghĩ sâu và phân tích vấn đề vào việc tiếp thu kiến thức. Sự kết hợp này không chỉ giúp người học ghi nhớ thông tin mà còn hiểu rõ ý nghĩa và ứng dụng thực tế của nó. Trong Thiên Vi chính, Khổng Tử nói: “Học mà chẳng chịu suy nghĩ thì chẳng được thông minh. Suy nghĩ mà chẳng chịu học thì lòng dạ chẳng được yên ổn” (Đoàn Trung Còn, 1950: 23). Điều này cho thấy chỉ ghi nhớ máy móc mà không thực sự hiểu sẽ khiến cho người học bị rối rắm, càng học nhiều càng có nhiều lỗ hổng. Ngược lại, Khổng Tử nói: suốt ngày không ăn, trắng đêm suy tư không bằng đi học. Chỉ biết dựa trên suy ngẫm cá nhân mà không được trau dồi lý luận, kế thừa thành quả của người đi trước sẽ khiến người học tốn kém thời gian, sức lực trên con đường học vấn. Khổng Tử không đề cao việc ghi nhớ máy móc, việc lặp lại chính xác từng câu chữ là không cần thiết, các kiến thức cũ có thể được gác lại để nhường chỗ cho các tri thức mới, ông cho rằng “mỗi ngày biết thêm một điều mới, mỗi tháng quên đi những điều cũ, vậy là người ham học”.

Khổng Tử đề cao khả năng tư duy, suy luận của người học, ông thừa nhận năng lực của Tử Cống không bằng Nhan Hồi bởi Nhan Hồi có thể “nghe một hiểu mười”. Khi tư duy và học tập được kết hợp chặt chẽ, người học có thể phát triển kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và khả năng áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn. Người học cần tiếp thu thông tin mới một cách có phê phán và chọn lọc thay vì tiếp thu nó một cách thụ động.

Vận dụng tư tưởng kết hợp giữa học tập và tư duy của Khổng Tử: Trong thời đại kỹ thuật số, việc tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Sinh viên có thể truy cập vào một lượng lớn dữ liệu và thông tin chỉ trong vài giây. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để sinh viên không chỉ tiếp thu mà còn phân tích, suy luận và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Việc kết hợp học tập và tư duy là mấu chốt giúp sinh viên không những hấp thụ kiến thức mà còn biết cách phân biệt, đánh giá và tạo ra kiến thức mới từ những thông tin đã được học.

Để thúc đẩy sự kết hợp này trong giáo dục hiện đại, các trường đại học và giảng viên cần thiết kế những bài giảng và chương trình học không chỉ chú trọng đến việc truyền đạt kiến thức mà còn khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề. Các phương pháp học tập như phương pháp giảng dạy dựa trên sự tham gia của sinh viên (student-centered learning) hay phương pháp học tập qua trải nghiệm (experiential learning) có thể giúp sinh viên kết hợp hiệu quả giữa tư duy và học tập thông qua việc đặt họ vào những tình huống thực tế, đòi hỏi phải suy nghĩ sáng tạo và áp dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề cụ thể. Ngoài ra, việc sử dụng công nghệ trong giáo dục cũng là một cách hiệu quả để thúc đẩy sự kết hợp giữa học tập và tư duy. Công nghệ có thể hỗ trợ việc tạo ra môi trường học tập tương tác, sinh viên có thể thử nghiệm và thực hành các kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong một môi trường ảo, an toàn. Các công cụ như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và trí tuệ nhân tạo tạo sinh có thể cung cấp

các kịch bản vụ việc thực tế đa dạng, giúp sinh viên áp dụng kiến thức và tư duy phản biện để đối mặt với các vấn đề thực tế được tạo lập giả định.

Việc tạo điều kiện cho sinh viên suy nghĩ một cách chủ động và sáng tạo, không chỉ trong khuôn khổ các bài giảng mà còn trong các hoạt động ngoại khóa, cũng là một phần quan trọng trong việc cải thiện thái độ học tập. Không gian học tập mở, các buổi thảo luận nhóm và các hội thảo là những môi trường lý tưởng cho sinh viên để phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giao tiếp, qua đó họ có thể học hỏi lẫn nhau và cùng nhau phát triển.

2.4. Dựng cảm khắc phục khuyết điểm

Để thực sự hiểu những kiến thức lý thuyết, người học cần tránh thái độ “giấu dốt”. Theo Khổng Tử, “biết thì nói là biết, không biết thì nói không biết”, việc thừa nhận những lỗ hổng trong kiến thức cho phép người học tìm cách lấy lại nền tảng kiến thức, bổ túc những khiếm khuyết. Theo Khổng Tử, không nên xem thường những kiến thức nhỏ nhặt mà không học lấy chúng, bởi lẽ con người ta có thể “học cái thấp bé mà hiểu điều cao siêu”. Ngoài những điều thấp bé, Khổng Tử còn khuyên người ta phải học cả những người xấu nhưng không phải học điều xấu của họ, mà là “thấy ai chẳng hiền, mình nên tự xét, đừng bắt chước theo họ” (Đoàn Trung Còn, 1950: 59). Khổng Tử quan niệm ai cũng đáng để học, bất kể người đó đã là phu tử hay không có địa vị xã hội. Đứng trước một vấn đề, người học không ngại cầu thị những người có thân phận thấp kém hơn mình, luôn có thái độ “không ngại học tập người có địa vị dưới mình” (bất sĩ hạ vấn). Người Việt Nam có câu “tre già măng mọc” chỉ thế hệ sau luôn kế thừa và thậm chí có phần cập nhật, cải thiện tốt hơn thế hệ trước. Do đó, dù ở độ tuổi, cấp bậc, địa vị nào, người ta cũng không được chỉ vì người khác trẻ hơn, địa vị thấp hơn mình mà không học hỏi nơi họ.

Trong quá trình học tập, nếu có người phản biện, chỉ ra sai sót thì ta phải lấy đó làm niềm may mắn vì đã có người chỉ ra các vấn đề để người học bổ khuyết, hoàn thiện bản thân hơn. Người học không nên xấu hổ, tự ti, càng không nên vì thế mà có thái độ tiêu cực, thù ghét người nhận xét mình. Về điều này, Khổng Tử là một tấm gương sáng để noi theo. Luận Ngữ thuật lại câu chuyện vị quan nước Trần chỉ ra sai sót cho Khổng Tử, ông nói “thật may mắn khi có người chỉ ra sai sót”.

Vận dụng tư tưởng dựng cảm khắc phục khuyết điểm của Khổng Tử: Đa số sinh viên trong độ tuổi 18 - 22 tuổi với nhiều thay đổi trong tâm sinh lý, các em đang từng bước hoàn thiện nhân cách và định vị bản thân của mình, cho nên cần cho các em hiểu việc thừa nhận những điểm yếu trong học tập không phải là một sự xấu hổ mà là bước đầu tiên để định vị bản thân, nhận thức năng lực của mình, phát hiện hạn chế của bản thân để có phương án cải thiện. Khi sinh viên nhận thức được và chấp nhận những khuyết điểm của mình, sinh viên sẽ có động lực để tìm kiếm giải pháp, bổ sung kiến thức và kỹ năng còn thiếu. Trong quá trình học tập và giao tiếp, sinh viên nên có cái nhìn phê bình và tự phê bình, tự xét mình và tránh mắc phải những sai lầm của người khác. Điều này giúp sinh viên không chỉ học hỏi từ những điều tốt đẹp mà còn tránh xa những ảnh hưởng tiêu cực.

Sinh viên nên mở lòng học hỏi từ mọi người xung quanh, bất kể người đó là ai. Học từ bạn bè, từ thầy cô, từ những người lao động bình thường đều có thể mang lại những bài học quý báu. Điều này cũng đồng nghĩa với việc sinh viên cần bỏ qua “cái tôi”, tính vị kỷ cá nhân để tiếp thu kiến thức một cách trọn vẹn nhất. Trong quá trình học tập, việc gặp phản biện, chỉ ra sai sót là điều không thể tránh khỏi. Khổng Tử coi việc có người chỉ ra sai sót là một điều may mắn. Đối với sinh viên, phản biện là cơ hội để nhìn lại, điều chỉnh và hoàn thiện bản thân. Thay vì cảm thấy xấu hổ, tự ti hay thù ghét người phản biện, người chỉ ra các hạn chế của mình, sinh viên nên biết ơn và coi đó là động lực để cố gắng hơn nữa. Tư tưởng

này giúp sinh viên hình thành một thái độ học tập tích cực, sẵn sàng đối mặt với mọi thử thách và không ngừng vươn lên.

2.5. Mục đích học tập

a) Tu dưỡng đạo đức

Đối với Khổng Tử, tu dưỡng đạo đức là mục đích cao nhất của giáo dục (chí u đạo, cú u đức), đôi khi việc học có thể tạm xếp sau các giá trị đạo đức². Trong *Luận ngữ*, chữ “nhân” có tần số xuất hiện hơn trăm lần (Lê Kinh Nam, 2014: 74). Khổng Tử nói “ở nhà có hiếu với cha mẹ, tôn trọng người lớn, giữ gìn uy tín, gần gũi người hiền, nếu có năng lực thì có thể học thêm tri thức”. Trong quan điểm này, các giá trị tốt đẹp như hiếu, lễ, tín, nhân được ưu tiên thực hành tu dưỡng trước, sau đó mới tới việc học văn.

Quan điểm trên của Khổng Tử trở thành quan điểm chính thống của Nho giáo, đối với các nhà Nho, nếu một người tuy không có trình độ học vấn nhưng có những đức tính như tôn trọng hiền tài, đối xử tận tình với cha mẹ, trung thành với vua, biết giữ chữ Tín, thì Nho giáo vẫn xem họ là người có học bất kể xuất thân, trình độ học vấn của họ ra sao. Khi được hỏi về “người ham học nhất” trong số các học trò, Khổng Tử liền nói về Nhan Hôi với các đức tính của ông, điều đó cho thấy sự học theo cách nhìn của Khổng Tử luôn gắn liền với các đức tính đẹp đẽ. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc quá tập trung vào các giá trị tu dưỡng đạo đức trong mục đích học tập của Khổng Tử khiến cho người học bị thiên lệch về giá trị tinh thần, chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị vật chất, sản xuất, lao động, “sẽ tạo nên những con người có tri thức thiên lệch, thiếu tính năng động và nhạy bén trong cuộc sống” (Nguyễn Thị Hoa Phượng, 2014).

b) Đạt được hiểu biết

Tiếp đến, Khổng Tử cho rằng người học còn có mục đích đạt được hiểu biết. Ông nói: “Ta chẳng phải sinh ra đã biết tất cả, là do ưa thích đạo cổ xưa, cần mẫn tìm học hỏi mà nên”. Ông khuyên các học trò nên đọc *Kinh Thi* để gần thờ cha, xa thờ vua và các kiến thức thường nhật như tên các loài chim thú cỏ cây. Trong khi nỗ lực đạt được các giá trị nhân cách, người học cần dựa vào con đường học vấn tri thức để tránh khỏi bị sa vào các quan điểm sai lệch. Khổng Tử nói: Người thích nhân nghĩa mà không học dễ bị lừa lọc làm điều ngu muội, người thích trí thức mà không học dễ làm điều phóng đảng, người giữ chữ tín mà không học dễ bị thiệt thòi, người ngay thẳng mà không học dễ làm điều bông bột, người dũng cảm mà không học dễ gây rối, người cương trực mà không học dễ làm điều nông cuồng.

c) Học vì nhân cách, không vì danh lợi

Khổng Tử không đánh giá cao người học với mục đích tìm kiếm danh lợi, bổng lộc, mặc dù ngay từ thời Khổng Tử loại người này rất phổ biến. Cho nên ông mới nói “đi học ba năm chẳng mong bổng lộc, ta ít thấy người được như vậy”. Đến lượt mình, khi được người khác tiếm nôi vì một người đại tài như Khổng Tử mà không có chức vụ cao trọng, Khổng Tử nói: “Thôi, ta làm nghề đánh xe vậy”, câu nói này đã thể hiện nhân quan của một nhân cách vĩ đại, không xem chức vụ, quyền lực là mục đích của việc trau dồi năng lực và phẩm hạnh. Khổng Tử chọn nghề “đánh xe” có lẽ muốn nói bản thân đang vì sự nghiệp “dẫn đường” (hướng đạo) và “chờ đạo” (tải đạo) cho người sau. Khổng Tử khẳng định: “người học giống nhau chưa chắc đã có trình độ như nhau”, người học cần cảnh giác với nạn háo danh, chạy theo hình thức

² Trong mối quan hệ giữa đạo đức và giáo dục, Khổng Tử cho rằng đạo đức là mục đích sau cùng của giáo dục. Tuy nhiên, ông cho rằng người ta có thể giữ đạo đức tốt nhưng chưa chắc hiểu học (thiên Công Dã Tráng chép: Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã). Có ý kiến cho rằng, Khổng Tử mâu thuẫn với chính mình (Đặng Thị Thủy Hoa, 2012: 2).

mà đánh mất phương hướng thực học, thực tài. Khổng Tử còn châm biếm: “Người xưa học cho mình, người nay học cho người” để đề cao truyền thống học tập thực chất, học vì tu thân và đả phá thói học hành cốt lấy bằng cấp khoe cho người biết mình, học vì danh lợi.

Vận dụng tư tưởng về mục đích học tập của Khổng Tử: Trong thời đại công nghiệp 4.0, việc áp dụng các tư tưởng giáo dục truyền thống vẫn giữ một vai trò quan trọng. Tư tưởng của Khổng Tử về mục đích học tập không chỉ giúp cải thiện thái độ học tập của sinh viên mà còn góp phần xây dựng một xã hội văn minh, đạo đức và bền vững. Đối với sinh viên, vận dụng tư tưởng tu dưỡng đạo đức được thể hiện qua việc phát triển những đức tính tốt đẹp trước, song song với tập trung vào học vấn. Điều này giúp sinh viên trở thành những công dân có ích, biết sống vì cộng đồng mà không phải chỉ chú ý đến danh vọng cá nhân.

Một nền tảng đạo đức vững chắc sẽ giúp sinh viên dễ dàng hơn trong việc đối mặt với những thử thách và cám dỗ của cuộc sống hiện đại. Khi có một cái tâm trong sáng và một đạo đức tốt, sinh viên sẽ biết chọn lựa và hành động đúng đắn, không bị cuốn vào những xu hướng tiêu cực hay những giá trị phù phiếm. Học vì nhân cách, không vì danh lợi cũng là một tư tưởng quan trọng của Khổng Tử. Ông không đánh giá cao người học với mục đích tìm kiếm danh lợi, bổng lộc. Trong thời đại hiện nay, khi mà áp lực thành công và sự cám dỗ của danh vọng dễ dàng làm lu mờ mục tiêu học tập chân chính, tư tưởng này của Khổng Tử trở nên cần thiết. Cần thường xuyên nhắc nhở sinh viên rằng mục đích học tập không nên chỉ là đạt được những bằng cấp hay vị trí cao trong xã hội, mà còn là để phát triển bản thân, trở thành người có ích cho xã hội (Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài - Truyện Kiều). Khổng Tử cũng phê phán những người học vì danh lợi. Ông châm biếm đề cao truyền thống học tập thực chất, học vì tu thân. Điều này có nghĩa là sinh viên cần học tập với tinh thần cầu thị, khiêm tốn và không ngừng nỗ lực. Học vì mục tiêu cao cả, vì sự phát triển toàn diện của bản thân chứ không chỉ vì những lợi ích tạm thời hay sự công nhận của xã hội.

3. Kết luận

Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử trong “Luận ngữ” không chỉ có giá trị trong quá khứ mà còn mang tính thời sự và có thể vận dụng một cách hiệu quả trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay. Việc vận dụng những tư tưởng này một cách sáng tạo và phù hợp có thể giúp cải thiện thái độ học tập của sinh viên, phát triển năng lực toàn diện và thúc đẩy các giá trị đạo đức văn hóa trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Thị Thúy Hoa. (2012). Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 12.
- Đoàn Trung Còn. (1950). *Luận ngữ*. Nxb. Trí Đức.
- Đoàn Trung Còn. (1952). *Luận ngữ*. Nxb. Trí Đức.
- European Commission. (2016). *Classification of learning activities (CLA) MANUAL*. Publications Office of the European Union, Luxembourg.
- Hồ Thích. (2004). *Trung Quốc triết học sử đại cương*. Nxb. Văn hoá - Thông tin.
- Lê Kinh Nam. (2014). Triết lý của Khổng Tử về phương pháp giáo dục. *Tạp chí Khoa học và đào tạo*. Số 4.
- Nguyễn Hiến Lê. (2003). *Khổng Tử và Luận ngữ*. Nxb. Văn học.
- Nguyễn Thị Hoa Phượng. (2014). Giá trị và hạn chế trong nội dung và phương pháp giáo dục của Khổng Tử. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 11(84).
- Phùng Hữu Lan. (2006). *Lịch sử Triết học Trung Quốc*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Trần Tiến Khôi. (2013). *Nghiên cứu văn bản và giá trị Luận ngữ ở Việt Nam* [Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội].